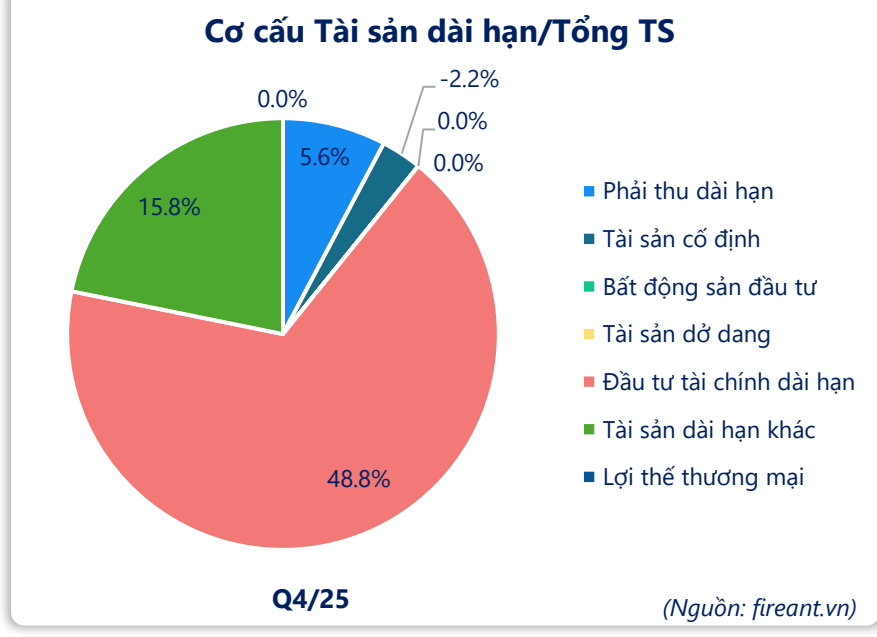
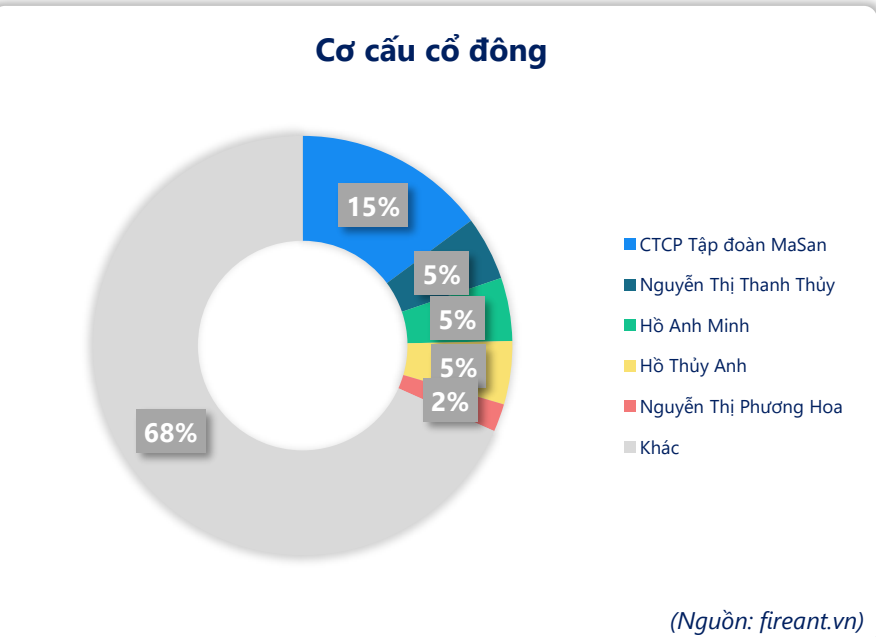
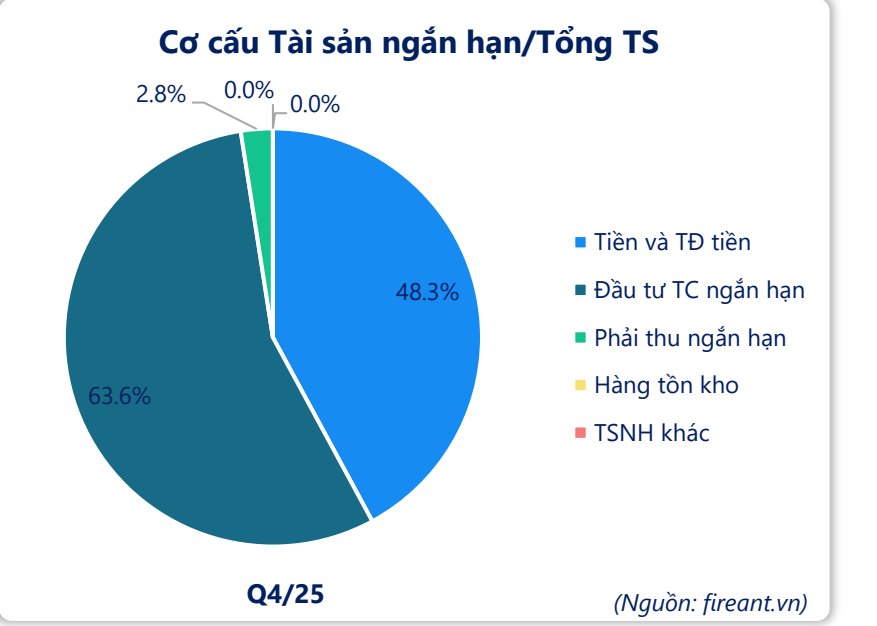
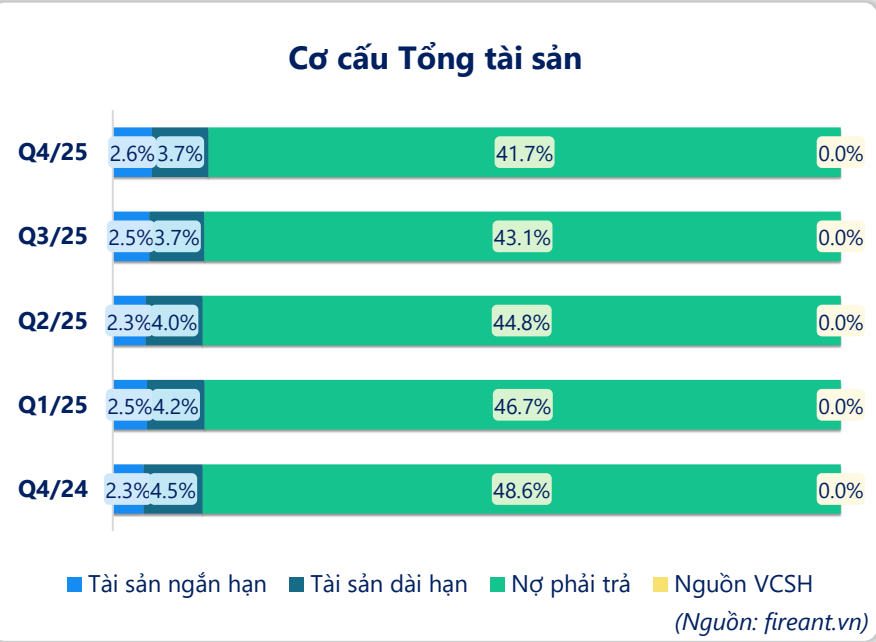
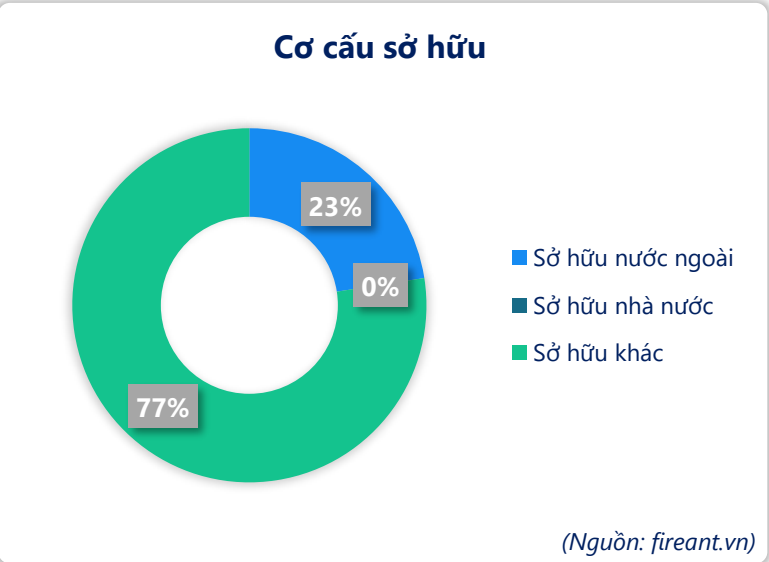
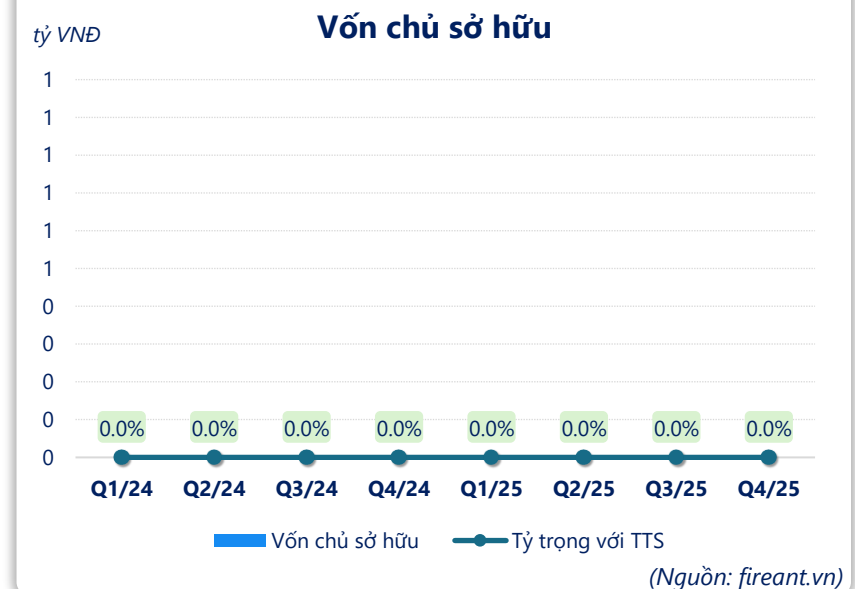
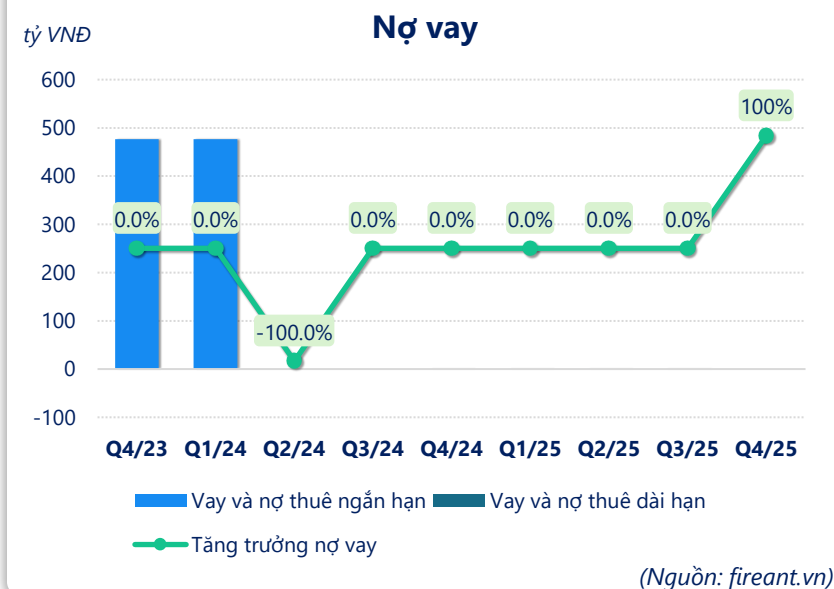
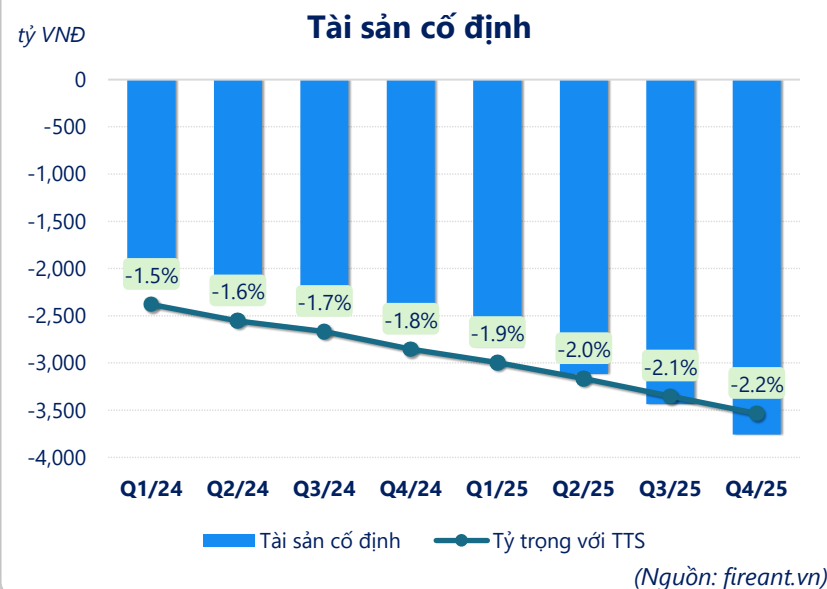
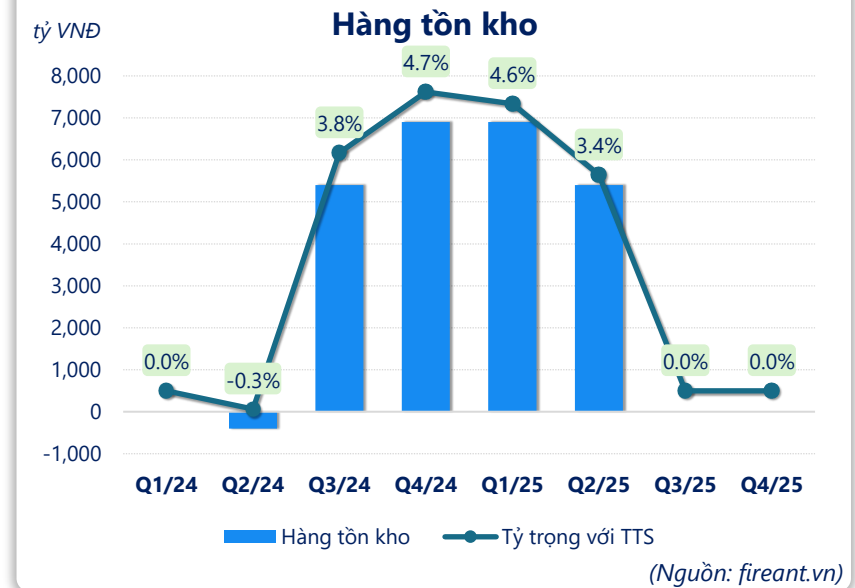
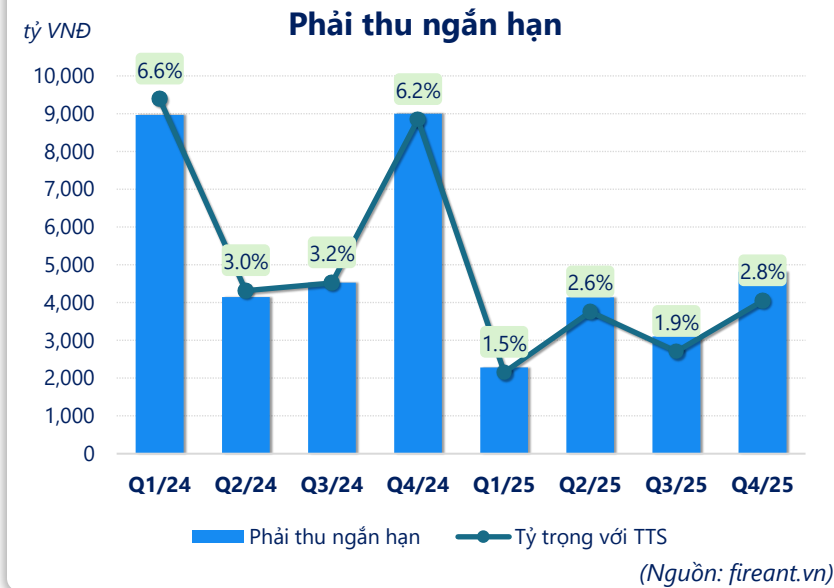
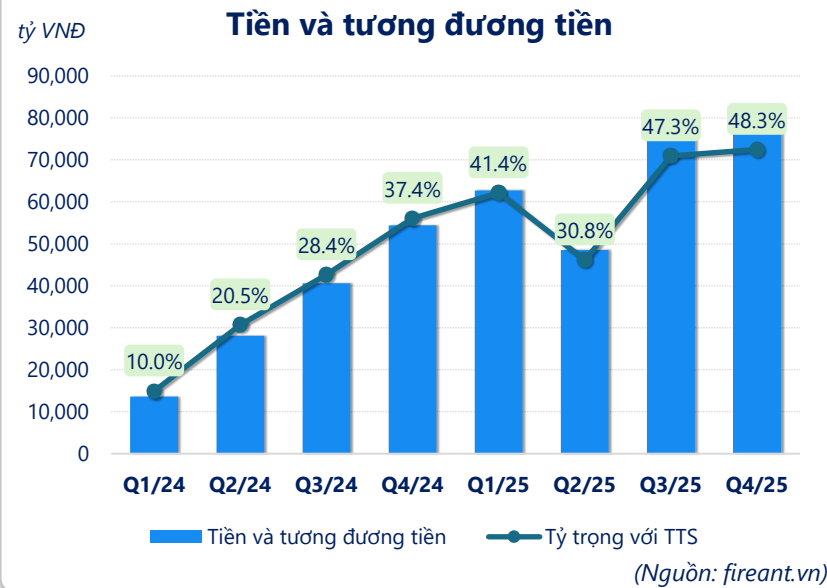
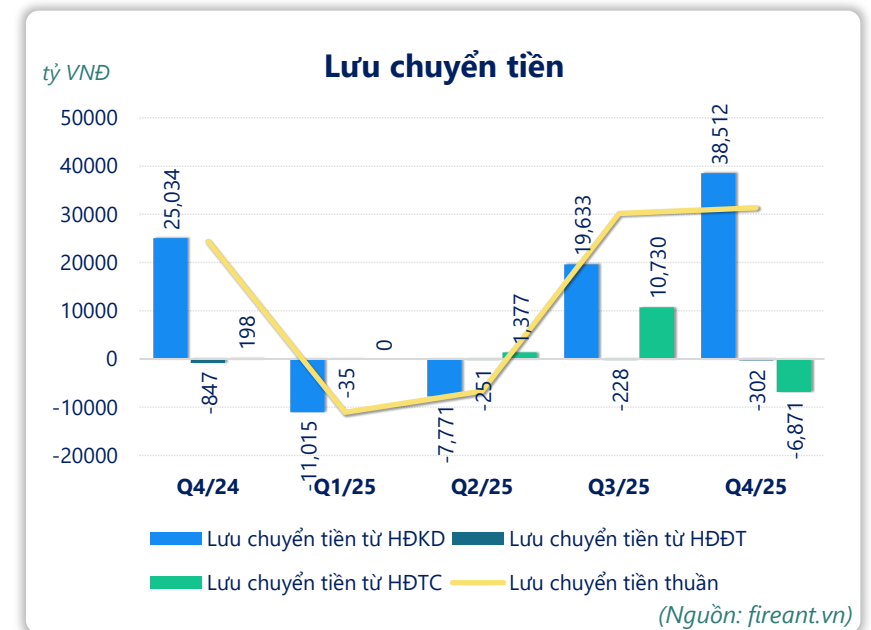
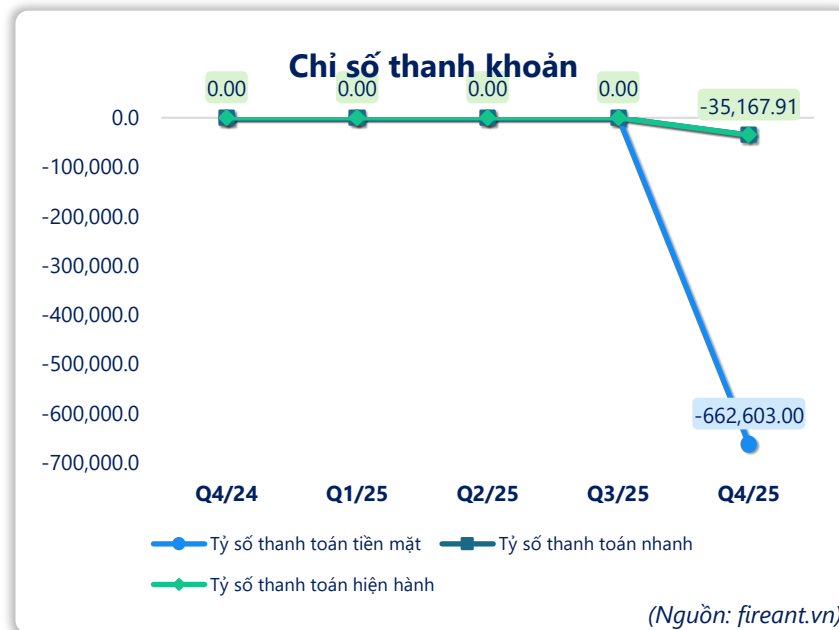
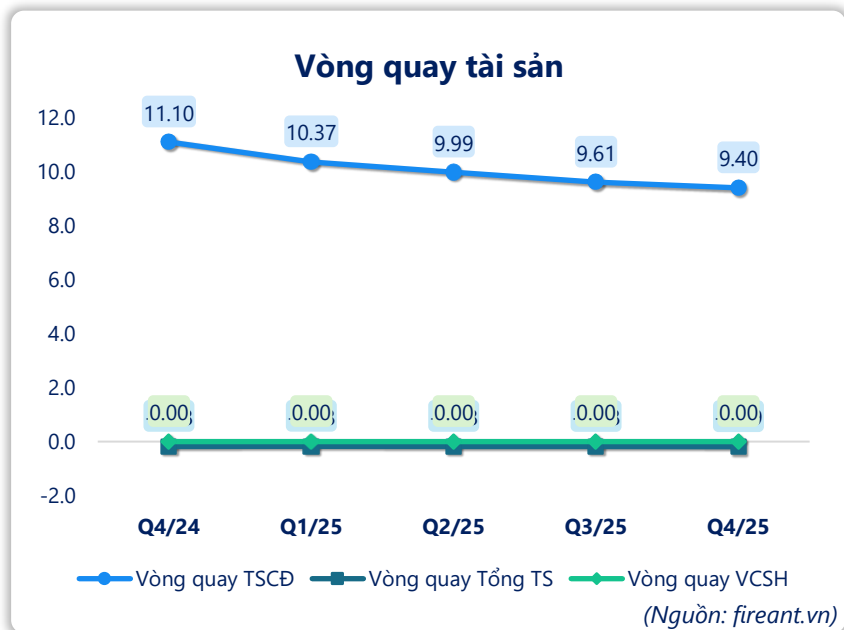
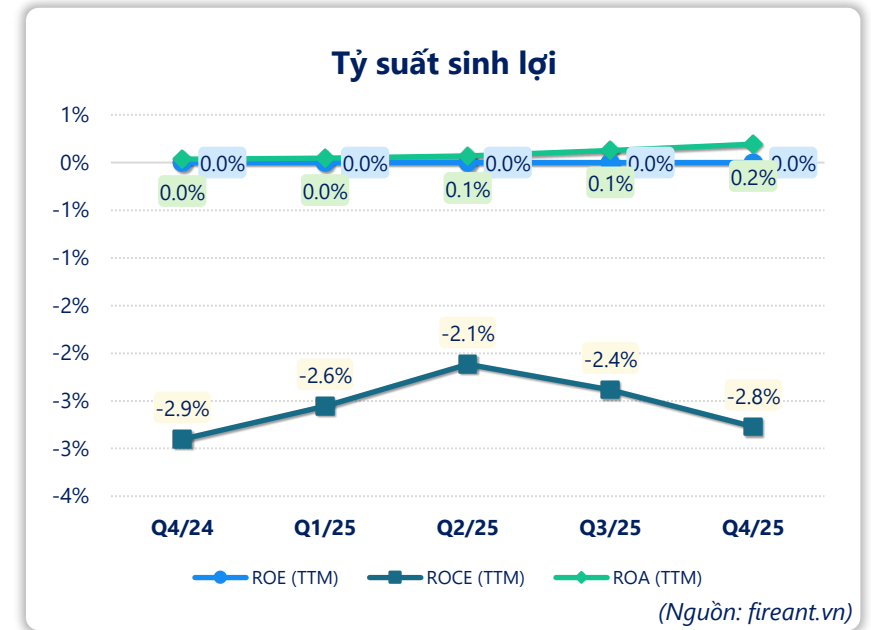
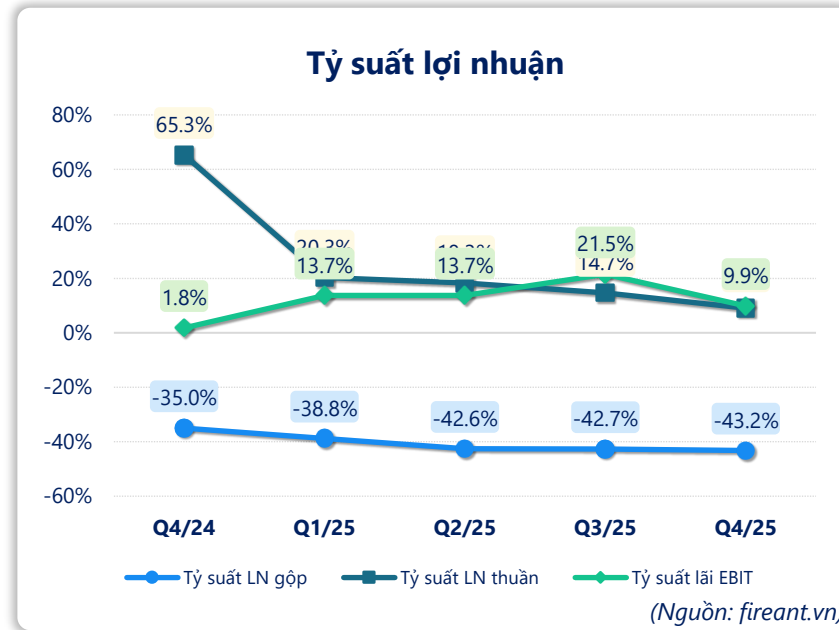
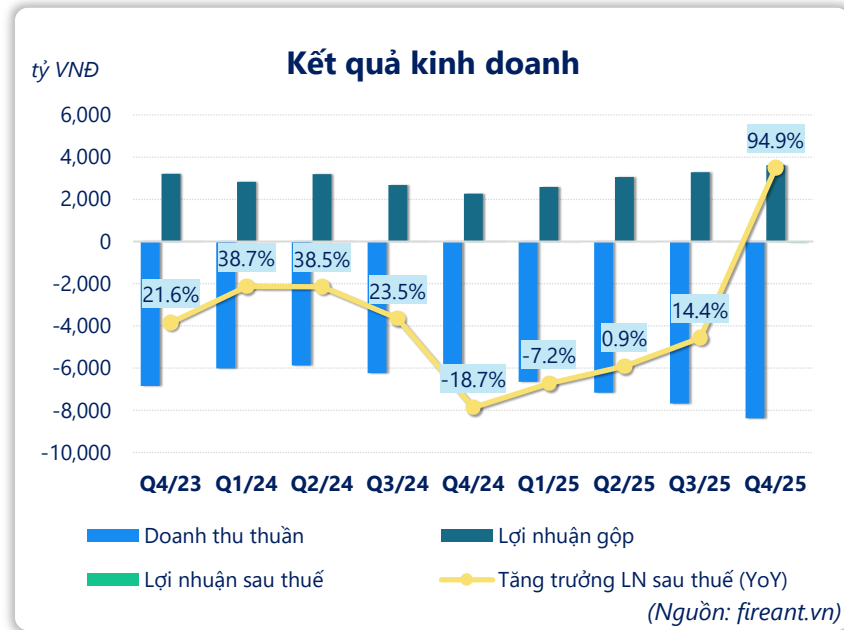


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		34,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		41,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		22,796
SL cổ phiếu LH		7,086,240,414
KLGD BQ 20 phiên (CP)		14,408,621
% sở hữu nước ngoài		22.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		247,310
P/E		9.8
EPS		3,569

	YTD	1T	3T	6T
TCB	47.1%	-1.4%	-10.5%	1.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	170,045	145,419	16.9%
Tài sản ngắn hạn	4,361	3,385	28.8%
Tiền và tương đương tiền	82,163	54,353	51.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	108,143	74,887	44.4%
Phải thu ngắn hạn	4,817	9,001	-46.5%
Hàng tồn kho	0	6,900	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	6,344	6,577	-3.5%
Phải thu dài hạn	9,539	9,081	5.1%
Tài sản cố định	-3,757	-2,595	-44.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	83,014	72,211	15.0%
Tài sản dài hạn khác	26,877	23,862	12.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	70,862	70,649	0.3%
Nợ ngắn hạn	-0.12	0	100%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	-0.06	100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	-6,463	-6,645	-7,167	-7,675	-8,376
Giá vốn hàng bán	1,463	1,828	2,107	2,266	2,571
Lợi nhuận gộp	2,262	2,579	3,052	3,276	3,620
Doanh thu HĐTC	-799	-750	-945	-1,010	-1,049
Chi phí TC	-424	455	415	559	213
Chi phí lãi vay	2.00	178	32.0	-150	-8.62
LN trong công ty LKLD	250	450	600	1,059	737
Chi phí bán hàng	-338	394	420	576	494
Chi phí QLDN	3,884	1,742	1,730	1,704	1,250
LN thuần từ HĐKD	-4,222	-1,348	-1,310	-1,128	-757
Lợi nhuận khác	4,814	8,326	8,912	9,749	9,971
LN trước thuế	-118	-1,090	-1,014	-1,499	-818
Lợi nhuận sau thuế	6.46	-0.98	-1.20	0.10	-37.3
LNST của CĐ cty mẹ	49.0	65.6	100	194	304

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25,034	-11,015	-7,771	19,633	38,512
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-847	-35.2	-251	-228	-302
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	198	0	1,377	10,730	-6,871
Tiền đầu kỳ	123,110	147,484	136,434	129,788	159,924
Lưu chuyển tiền thuần	24,385	-11,050	-6,646	30,135	31,338
Ảnh hưởng tỷ giá	-10.5	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	147,484	136,434	129,788	159,924	191,262

(Nguồn: fireant.vn)